**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN 11**

**Cuối Học kì I - Năm học 2021 -2022**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% Tổng****điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Tỉ lệ******(%)*** | ***Thời gian******(phút)*** | ***Số câu hỏi*** | ***Thời gian******(phút)*** |
| 1 | Đọc hiểu  | 15 | 10 | 10 | 5 | 5 | 5 | 0 | 0 | 04 | 20 | 30 |
| 2 | Viết đoạn văn nghị luận xã hội | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | 01 | 20 | 20 |
| 3 | Viết bài văn nghị luận văn học | 20 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 5 | 10 | 01 | 50 | 50 |
| **Tổng** | **40** | **25** | **30** | **20** | **20** | **30** | **10** | **15** | **06** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %**  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70** | **30** |  | **100** |

**Lưu ý:**

- Tất cả các câu hỏi trong đề kiểm tra là câu hỏi tự luận.

- Cách cho điểm mỗi câu hỏi được quy định chi tiết trong Đáp án/Hướng dẫn chấm.

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/ kĩ năng** | **Đơn vị** **kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng** **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | ĐỌC HIỂU  | Thơ trung đại (Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa) |  **Nhận biết:** - Xác định đề tài, hình tượng nhân vật trữ tình trong bài thơ/đoạn thơ.- Nhận diện được phương thức biểu đạt, thể thơ, các biện pháp tu từ... trong bài thơ/đoạn thơ.- Nhận diện được từ ngữ, chi tiết, hình ảnh,... trong bài thơ/đoạn thơ.**Thông hiểu:**- Hiểu nghĩa của từ/câu thơ trong ngữ cảnh; hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ.- Hiểu được một số đặc điểm cơ bản của thơ trung đại Việt Nam về thể loại, đề tài, cảm hứng, nghệ thuật biểu đạt được thể hiện trong bài thơ/đoạn thơ. **Vận dụng:** - Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của bài thơ/đoạn thơ; bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong bài thơ/đoạn thơ.- Rút ra thông điệp/bài học cho bản thân. | 2 | 1 | 1 | 0 | 4 |
| **2** | Viết đoạn văn nghị luận xã hội (Khoảng 150 chữ) | Nghị luận về một tư tưởng đạo lí | **Nhận biết**:- Xác định được tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.- Xác định được cách thức trình bày đoạn văn. **Thông hiểu**: - Diễn giải về nội dung, ý nghĩa của tư tưởng, đạo lí. **Vận dụng**:- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về tư tưởng, đạo lí. **Vận dụng cao**:- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về tư tưởng đạo lí.- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1\* |
| Nghị luận về một hiện tượng đời sống | **Nhận biết**:- Xác định được hiện tượng đời sống cần bàn luận. - Xác định cách thức trình bày đoạn văn.**Thông hiểu:** - Hiểu được thực trạng/nguyên nhân/các mặt lợi – hại, đúng – sai của hiện tượng đời sống.**Vận dụng**:- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận, bày tỏ quan điểm của bản thân về hiện tượng đời sống.**Vận dụng cao**:- Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống.- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục. |
| Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi:- *Chữ người tử tù*(Nguyễn Tuân)- *Hạnh phúc của một tang gia* (trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng )- *Chí Phèo* (Nam Cao) |   **Nhận biết**:- Xác định được kiểu bài nghị luận, vấn đề nghị luận.- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích.- Nêu được cốt truyện, đề tài, chủ đề, nhân vật, các chi tiết, sự việc nổi bật của tác phẩm/đoạn trích.**Thông hiểu**: - Diễn giải về giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm/đoạn trích theo yêu cầu của đề: giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo, nghệ thuật trần thuật và xây dựng nhân vật, bút pháp hiện thực và lãng mạn...- Lí giải được một số đặc điểm của truyện hiện đại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được thể hiện trong văn bản/đoạn trích.**Vận dụng**:- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để phân tích, cảm nhận về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/văn bản.- Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của đoạn trích/ văn bản, đóng góp của tác giả. **Vận dụng cao**:- So sánh với các tác phẩm khác; liên hệ với thực tiễn; vận dụng kiến thức lí luận văn học để đánh giá, làm nổi bật vấn đề nghị luận.- Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. |
| **Tổng** |  |  |  |  |  | **6** |
| **Tỉ lệ %**  |  | **40** | **30** | **20** | **10** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **70** | **30** | **100** |

**Lưu ý:**

- Đối với các câu hỏi ở phần Đọc hiểu, mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của *Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá* tương ứng (một chỉ báo là một gạch đầu dòng)

- Những đơn vị kiến thức/kĩ năng của các bài học Tiếng Việt, Làm văn, Lí luận văn học, Lịch sử văn học được tích hợp trong kiểm tra, đánh giá ở phần Đọc hiểu và phần viết đoạn văn nghị luận xã hội, viết bài văn nghị luận văn học.

**NỘI DUNG ÔN TẬP**

**I. Tiếng Việt**

**1.**  **Thực hành về thành ngữ, điển cố**

**- Thành ngữ:** là ngữ cố định được dùng quen thuộc, lặp đi lặp lại trong giao tiếp. Thành ngữ mang tính khái quát, tính trừu tượng và tính hình tượng cao.

**Ví dụ:** *Một duyên hai nợ, Năm nắng mười mưa, Cá chậu chim lồng, Đầu trâu mặt ngựa.*

- **Điển cố**: là những sự việc, sự kiện trước đây hay câu chữ trong sách đời trước được dẫn ra để nói về những việc tương tự. Nó có đặc điểm là ngắn gọn, hàm súc và thâm thúy.

**Ví dụ:***Ghét đời**Kiệt, Trụ mê dâm, Ghét đời**U, Lệ đa đoan, Ghét đời**Ngũ bá phân vân*

**2.**  **Ngữ cảnh là gì? Các nhân tố của ngữ cảnh? Vai trò của ngữ cảnh?**

 - Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở tạo lập lời nói, đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo lời nói.

- Các nhân tố của ngữ cảnh:

+ Nhân vật giao tiếp.

+ Bối cảnh ngoài ngôn ngữ:bối cảnh giao tiếp rộng, bối cảnh giao tiếp hẹp, hiện thực được nói tới.

+ Văn cảnh.

- Vai trò của ngữ cảnh: tạo lập câu nói và lĩnh hội câu nói.

**3. Thế nào là ngôn ngữ báo chí? Các thể loại báo chí ? Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí ?**

- Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

- Các thể loại báo chí: Bản tin, phóng sự, tiểu phẩm, quảng cáo….

- Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí:

+ Tính thông tin thời sự.

 + Tính ngắn gọn.

+ Tính sinh động hấp dẫn.

**4. Thực hành về lựa chọn trật tự các bộ phận trong câu.**

- Trật tự trong câu đơn: TN, CN – VN, BN. Vị trí của các thành phần trạng ngữ, bổ ngữ trong câu đơn nhằm biểu đạt nội dung, ý nghĩa của câu nói.

- Trật tự trong câu ghép: Câu ghép chính phụ, câu ghép nguyên nhân – kết quả. Vị trí của các vế trong câu ghép nhằm đạt nội dung, ý nghĩa của câu nói.

**5. Thực hành về sử dụng một số kiểu câu trong văn bản.**

- Dùng kiểu câu bị động

- Dùng kiểu câu có khởi ngữ

- Dùng kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống

**\*Ôn tập lại các biện pháp tu từ đã học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | ***Biện pháp tu từ nghệ thuật*** | ***Khái niệm*** | ***Ví dụ*** |
| **1** | **So sánh** | là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho lời văn. | Từ ngữ so sánh: ***là; như; như là; tựa như; bao nhiêu, bấy nhiêu***…hoặc ***dấu hai chấm, dấu phẩy*** giữa đối tượng được so sánh và đối tượng so sánh. |
| **2** | **Nhân hóa** | là gọi hay tả sự vật bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người làm cho sự vật (*cây cối, loài vật, đồ vật…)* trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người | \* Dùng những từ vốn gọi người để gọi vật:*Từ đó lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả.*\* Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của sự vật.*Heo hút cồn mây* ***súng ngửi trời***(*Tây Tiến* – Quang Dũng\* Trò truyện xưng hô với vật như đối với người: *Trâu ơi, ta bảo trâu này**Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta*(Ca dao |
| **3** | **Ẩn dụ** |  là gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác khi giữa chúng có quan hệ tương đồng, tức chúng giống nhau về một phương diện nào đó, nhằm làm tăng sức gợi hình, gợi cảm, sự sinh động, có hồn cho lời văn | - **Ẩn dụ hình tượng**:*Dữ dội và dịu êm/ Ôn ào và lặng lẽ / Sông không hiểu nổi mình / Sóng tìm ra tận bể* (Sóng – Xuân Quỳnh)**Sóng**: ẩn dụ cho tâm trạng phức tạp, nhiều biến động của người phụ nữ trong tình yêu- **Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác**: *Tiếng ghi ta lá xanh biết mấy…/ Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan* (*Đàn ghita của Lorca*) -> **Tiếng ghi ta**- âm thanh, chỉ có thể cảm nhận được bằng thính giác -> có màu sắc, hình ảnh - cảm nhận bằng thị giác. |
| **4** | **Hoán dụ** | là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm, tăng sự sinh động, có hồn cho sự diễn đạt | \* Lấy một bộ phận để gọi toàn thể:VD: *Bàn tay ta làm nên tất cả/ Có sức người sỏi đá cũng thành cơm*\* Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.Ví dụ: *Áo chàm đưa buổi phân li / Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay*(*Việt Bắc* - Tố Hữu) \* Lấy vật chứa đựng để chỉ vật bị chứa đựng:Ví dụ: *Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông**Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào.**\**Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng:*Một cây làm chẳng nên non**Ba cây chụm lại nên hòn núi cao* |
| **5** | **Phép điệp** | Điệp là sự lặp lại một yếu tố diễn đạt (ngữ âm, từ, câu) để nhấn mạnh ý nghĩa và cảm xúc, nâng cao khả năng biểu cảm, gợi hình cho lời văn; tạo cho câu văn, câu thơ giàu âm điệu.- Có nhiều cách điệp: + Theo các yếu tố: điệp thanh, điệp âm, điệp vần, điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc câu (lặp cú pháp)…+ Theo vị trí: điệp đầu câu, giữa câu, cách quãng, điệp liên tiếp, điệp ngữ vòng, điệp ngữ bắc cầu | *1)Trời xanh đây là của chúng ta / Núi rừng đây là của chúng ta / Những cánh đồng thơm mát / Những ngả đường bát ngát / Những dòng sông đỏ nặng phù sa / Nước của chúng ta / Nước những người chưa bao giờ khuất / Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất / Những buổi ngày xưa vọng nói về* (*Đất nước* - Nguyễn Đình Thi)=> Các dạng của phép điệp: điệp từ (*của, những, nước, chúng ta*,...); điệp ngữ (*đây là của chúng ta*); điệp cấu trúc cú pháp (*Trời xanh đây là của chúng ta/ Núi rừng đây là của chúng ta; Những cánh đồng…/ Những ngả đường…/ Những dòng sông*…). - Hiệu quả nghệ thuật: góp phần tạo nên nhịp thơ dồn dập, âm hưởng hào hùng, giọng điệu hùng biện; tạo sự xuất hiện liên tiếp của hình ảnh, mở ra bức tranh toàn cảnh một giang sơn giàu đẹp; khẳng định mạnh mẽ quyền làm chủ và bộc lộ mãnh liệt niềm tự hào của tác giả. 2)Điệp thanh bằng: *Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi* -> gợi không khí rộng lớn, thoáng đãng trước mắt khi người lính vượt qua con đường gian lao, vất vả; gợi cảm giác thư thái, nhẹ nhàng trên con đường hành quân. |
| **6** | **Phép đối** | là cách xếp đặt từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo nên hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm gợi ra một vẻ đẹp hoàn chỉnh và hài hòa trong cách diễn đạt để hướng đến làm nổi bật nội dung ý nghĩa nào đó. | VD1: *Con sóng dưới lòng sâu / Con sóng trên mặt nước* (*Sóng* – Xuân Quỳnh)VD2: *Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống* (*Tây Tiến* – Quang Dũng) |
| **7** | **Phép tương phản** | Là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt. | *“O du kích nhỏ giương cao súng**Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu*                             [Tố Hữu] |
| **8** | **Nói quá** | là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm | *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng / Ngày tháng mười chưa cười đã tối* -> Nói quá, phóng đại mức độ của sự thật để nhấn mạnh ý: đêm tháng năm ngắn, ngày tháng mười ngắn. |
| **9** | **Nói giảm nói tránh** |  là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự. | *Anh bạn dãi dầu* ***không bước nữa*** */ Gục lên súng mũ,* ***bỏ quên đời***-> Giảm nhẹ sự đau thương mất mát trong sự hi sinh của người lính Tây Tiến |
| **10** | **Phép liệt kê** | liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng tình cảm. | *Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả****tinh thần, lực lượng, tính mạng*** *và* ***của cải****để giữ vững quyền độc lập tự do, độc lập* (Hồ Chí Minh) -> Liệt kê những yếu tố vật chất và tinh thần |
| **11** | **Chơi chữ** |  là lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,…làm câu văn hấp dẫn và thú vị. |  Dùng từ ngữ đồng âm; dùng lối nói trại âm (gần âm); dùng cách điệp âm; dùng lối nói lái; dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa, gần nghĩa-> lời nói được hấp dẫn và thú vị.Ví dụ: *Bà già đi chợ cầu Đông / …/ Lợi thì có lợi nhưng răng chẳng còn* (Ca dao) |

**II. Làm văn**

**1.Thao tác lập luận phân tích.**

Lập luận phân tích là thao tác chia nhỏ các đối tượng thành các yếu tố bộ phận để xem xét rồi tổng hợp nhằm phát hiện ra bản chất của đối tượng.

**2.Thao tác lập luận so sánh:** Làm sáng tỏ đối tượng đang nghiên cứu trong tương quan với đối tượng khác, làm cho bài nghị luận rõ ràng, cụ thể, sinh động và có sức thuyết phục.

**\* Ôn tập lại các phương thức biểu đạt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Phương thức biểu đạt*** | ***Mục đích giao tiếp*** |
| 1 | Tự sự (kể chuyện, tường thuật) | Trình bày diễn biến sự việc |
| 2 | Miêu tả | Tái hiện trạng thái sự vật, con người |
| 3 | Biểu cảm | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc |
| 4 | Nghị luận | Nêu ý kiến đánh giá, bàn luận |
| 5 | Thuyết minh | Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp |
| 6 | Hành chính - công vụ | Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người và người |

\***MỘT SỐ LƯU Ý :**

**1.Gọi tên các biện pháp nghệ thuật và phân tích tác dụng của chúng**

- Đối với dạng câu hỏi này, các em cần ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng như so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ,chơi chữ, nói quá,... và các biện pháp tu từ cú pháp như lặp cú pháp,...

- Xác định được từ ngữ thực hiện.

- Nêu tác dụng cụ thể rõ ràng.

**2. Cần phân biệt các dạng câu hỏi**: nêu nội dung chính, nêu ý nghĩa hoặc nêu thông điệp của văn bản

**3. Cách viết đoạn văn nghị luận xã hội (150 chữ)**

 Đối với dạng câu hỏi này các em cần rèn luyện kĩ năng viết một đoạn văn có hình thức và nội dung theo đúng yêu cầu của người ra đề (chọn kết cấu tổng phân hợp, diễn dịch, quy nạp).

**a. Dàn ý: Dạng nghị luận về một tư tưởng đạo lí**

|  |
| --- |
| **Dạng nghị luận về một tư tưởng đạo lí** |
| **Mở đoạn** | Nêu tư tưởng, đạo lí cần bàn | Giới thiệu thẳng vấn đề cần bàn luận bằng một câu tổng quát |
| **Thân đoạn** | - Giải thích (Là gì?)- Phân tích, chứng minh (Tại sao? Như thế nào?)- Bàn luận, mở rộng vấn đề | Giải thích ngắn gọn nội dung tư tưởng, cách hiểu (1-2 câu)Phân tích tác dụng, ý nghĩa của tư tưởng, chứng minh.– Lật ngược vấn đề– Phê phán những tư tưởng, biểu hiện trái ngược |
| **Kết đoạn** | Rút ra bài học nhận thức và hành động | – Nhận thức ý nghĩa, tính đúng đắn, tác dụng của tư tưởng.– Hành động (1-2 câu) |

**b. Dàn ý: Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống**

|  |
| --- |
| **Dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống** |
| **Mở đoạn** | Nêu hiện tượng đời sống cần bàn  | Giới thiệu thẳng vấn đề cần bàn luận bằng một câu tổng quát |
| **Thân đoạn** | - Nêu rõ hiện tượng (Là gì?)- Biểu hiện, hiện trạng- Phân tích nguyên nhân/ tác hại hoặc tác dụng (nếu là hiện tượng tốt)- Biện pháp khắc phục/biện pháp nhân rộng hiện tượng | - Giải thích ngắn gọn hiện tượng- Diễn ra như thế nào? Ở đâu? Tính phổ biến?- Nguyên nhân: chủ quan, khách quan; con người;thiên nhiên…- Giải pháp khắc phục/thực hiện việc đó như thế nào? |
| **Kết đoạn** | Rút ra bài học nhận thức và hành động | – Nhận thức tác dụng / tác hại– Hành động  |

**II. VĂN HỌC**

 **Bài 1: *CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ -* Nguyễn Tuân -**

**I. Tác giả**

- Nguyễn Tuân (1910 – 1987)

- Nguyễn Tuân là nhà văn có phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa, uyên bác, một nghệ sĩ suốt đời đi tìm cái đẹp.

**II.Tác phẩm**

1. **Xuất xứ:**

- Tác phẩm lúc đầu có tên là “Dòng chữ cuối cùng” in năm 1938 trên tạp chí *Tao đàn* sau được tuyển in trong tập “Vang bóng một thời”(1940)

2. **Bố cục**

- Phần 1 (Từ đầu đến…. rồi sẽ liệu.): Cuộc trò truyện giữa viên quản ngục và thầy thơ lại.

- Phần 2 (Tiếp theo đến…phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ): Tấm lòng biệt đãi của viên quản ngục.

- Phần 3 (Còn lại): Cảnh cho chữ.

 3. **Tóm tắt**

 Truyện ngắn “Chữ người tử tù” được trích trong tập “Vang bóng một thời” của nhà văn Nguyễn Tuân. Tác phẩm đã nói lên vẻ đẹp tài hoa của con người - cái mà Nguyễn Tuân luôn tìm kiếm trong các tác phẩm của mình. Huấn Cao là một tử tù nhưng có tài viết chữ rất đẹp. Vì vậy mà ông nhận được sự biệt đãi đặc biệt của viên quản ngục dành cho mình. Viên quản ngục và thầy thơ rất trân trọng và say mê nét chữ của Huấn Cao nhưng Huấn Cao lại không thích nhận được sự biệt đãi của người khác. Huấn Cao vốn dĩ tỏ thái độ khinh miệt người quản ngục nhưng cho đến khi hiểu được tấm lòng thành kính của người đó thì Huấn Cao đã quyết định cho chữ. Trong đêm khuya hiện lên cảnh ba con người chụm đầu vào trong một không gian ẩm mốc, tù túng. Người tử tù phóng những nét chữ tuyệt đẹp và hai người còn lại thì khúm núm chờ đợi. Huấn Cao không chỉ có thiên lương trong sáng mà ông còn trân trọng thiên lương của người khác. Sau khi cho chữ, Huấn Cao đã khuyên quản ngục thay chốn ở để giữ được lương tâm trong sạch, lương thiện. Huấn Cao vừa là một người anh hùng khi dám đứng lên chống lại triều đình thối nát lúc bấy giờ, lại là một người có tài năng, có thiên lương trong sạch rất đáng ngưỡng mộ.

**4. Giá trị nội dung**

 Nguyễn Tuân đã khắc họa thành công hình tượng Huấn Cao - môt con người tài hoa, có cái tâm trong sáng và khí phách hiên ngang bất khuất. Qua đó nhà văn thể hiện quan niệm về cái đẹp, khẳng định sự bất tử của cái đẹp và bộc lộ thầm kín tấm lòng yêu nước.

**5. Giá trị nghệ thuật**

Tác phẩm thể hiện tài năng của Nguyễn Tuân trong việc tạo dựng tình huống truyện độc đáo; nghệ thuật dựng cảnh, khắc họa tính cách nhân vật, tạo không khí cổ kính, trang trọng; trong việc sử dụng thủ pháp đối lập và ngôn ngữ giàu tính tạo hình...

**III.** **Dàn ý phân tích tác phẩm**

**1. Tình huống truyện đặc biệt**

- Gặp nhau nơi tối tăm ngục tù.

- Hai số phận khác nhau, hoàn toàn trái ngược nhau.

- Họ là tri kỉ trong nghệ thuật nhưng họ là kẻ thù trong địa vị xã hội.

=> Một tình huống truyện vô cùng éo le và độc đáo: Cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường giữa chốn ngục tù căng thẳng. Không gian và thời gian góp phần tạo nên kịch tính cho tình huống.

2. **Vẻ đẹp các nhân vật**

**a. Nhân vật Huấn Cao**

- Huấn Cao là người nghệ sĩ tài hoa.

+ Là người có “tài viết chữ rất nhanh, rất đẹp”. Hơn thế mỗi con chữ của Huấn Cao còn chứa đựng khát vọng, hoài bão tung hoành cả đời người.

+ “Có được chữ ông Huấn là có được báu vật ở đời”.

⇒ Ca ngợi nét tài hoa của Huấn Cao, Nguyễn Tuân đã thể hiện tư tưởng nghệ thuật của mình: kính trọng những con người tài hoa tài tử, trân trọng nghệ thuật thư pháp cổ truyền của dân tộc.

- Là anh hùng có khí phách hiên ngang.

+ Thể hiện rõ nét qua các hành động: dỗ gông, thảm nhiên nhận rượu thịt.

+ Trong mọi hoàn cảnh khí phách hiên ngang ấy vẫn không thay đổi.

- Là người có thiên lương trong sáng, nhân cách cao cả.

+ Quan niệm cho chữ: trừ chỗ tri kỉ ngoài ra không vì vàng bạc châu báu mà cho chữ.

- Đối với quản ngục:

+ Khi chưa hiểu tấm lòng quản ngục, Huấn Cao cho hắn là kẻ tiểu nhân tỏ ra khinh biệt.

+ Khi nhận ra tấm lòng quản ngục Huấn Cao không những cho chữ mà còn coi quản ngục là tri âm tri kỉ.

=> Huấn Cao là một người văn võ song toàn, vừa có tâm vừa có tài. Nhân vật Huấn Cao được xây dựng bằng bút pháp nghệ thuật lí tưởng hóa nhân vật đồng thời thể hiện lý tưởng thẩm mĩ của nhà văn Nguyên Tuân

**b.** **Nhân vật quản ngục**

- Viên quản ngục là một người say mê cái đẹp.

+ Khát khao cái đẹp: mong ước của ông là “được treo ở nhà riêng một đôi câu đối” do chính tay Huấn Cao viết.

+ Lo lắng nếu như không xin được chữ ông Huấn trước khi bị hành hình thì “ân hận suốt đời mất”.

- Là một người biết quý trọng người tài.

+ Trong những ngày Huấn Cao trong ngục, quản ngục luôn bày tỏ thái độ nghiêm kính khiêm nhường..

+ Dũng cảm biệt đãi Huấn Cao.

+ Cảm thấy tiếc nuối khi biết Huấn Cao sắp phải từ giã cõi đời: “Bấy nhiêu... vũ trụ”.

- Ông có tâm hồn trong sáng, yêu cái đẹp, yêu nghệ thuật trong sáng.

**3. Cảnh cho chữ - đây là cảnh tượng xưa nay chưa từng có**

- Thời gian: đêm trước khi Huấn Cao ra pháp trường chịu án chém, khi chỉ còn “vẳng có tiếng mõ trên vọng canh”.

- Địa điểm: Trại giam tỉnh Sơn.

- Không gian: buồng tối chật hẹp, ẩm ướt...

- Đây là "cảnh tượng xưa nay chưa từng có" :

+ Thân phận và hành động của người cho chữ và nhận chữ đặc biệt:

+ Xây dựng được các cặp phạm trù đối lập nhau..

- Chi tiết quản ngục cúi đầu vái lạy người tử tù Huấn Cao: sự thức tỉnh trước cái đẹp, quản ngục đã thoát ra những cái tầm thường, ràng buộc để vươn tới cái cao đẹp.

⇒ Toàn bộ cảnh cho chữ là bài ca tôn vinh cái đẹp, cái thiện, cái thiên lương của con người trong hoàn cảnh tối tăm ngục tù bậc nhất.

- Sự hoán đổi ngôi vị

+ Ý nghĩa lời khuyên của Huấn Cao: cái đẹp có thể sản sinh ở nơi đất chết, nơi tội ác ngự trị nhưng không thể sống chung với cái xấu cái ác. Người ta chỉ xứng đáng được thưởng thức cái đẹp khi giữ được thiên lương

+ Tác dụng: Cảm hóa con người.

⇒ Điều lạ lùng ở đây không chỉ là thú chơi chữ tao nhã, thanh cao được thể hiện ở nơi tối tăm bẩn thỉu, người trổ tài là kẻ tử tù mà đặc biệt hơn là trong chốn lao tù tối tăm ấy cảnh cho chữ là sự thăng hoa của cái tài, cái đẹp, người tử tù sắp chết lại cảm hóa được viên quản ngục. Chính những điều này đã tạo nên hào quang rực rỡ, bất tử cho hình tượng Huấn Cao.

 BÀI 2: ***HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA*** ( Trích *Số đỏ*- Vũ Trọng Phụng)

**I. Tác giả:**

- Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939) là cây bút trào phúng bậc thầy, một trong những đại biểu xuất sắc của xu hướng văn học hiện thực.

**II. Tác phẩm**

1. Xuất xứ.

- Tiểu thuyết “Số đỏ” được viết và đăng ở Hà Nội báo năm 1936, in thành sách năm 1938.

- Đoạn trích thuộc chương XV của tiểu thuyết này.

**2. Bố cục:** 3 phần.

- Phần 1 ( Từ đầu đến…. cho Tuyết vậy): Niềm vui và hạnh phúc của các thành viên khi cụ tổ qua đời.

- Phần 2 ( Tiếp đến... đám cứ đi): cảnh đám ma gương mẫu.

- Phần 3 ( Còn lại): Cảnh hạ huyệt.

**3. Tóm tắt**

Cụ cố Hồng - cụ tổ đã chết. Dường như đây là một tin vui đối với đám con cháu trong nhà vì khi cụ tổ chết , cái chúc thư sẽ được thực hiện, gia tài kếch xù mới được chia cho đám con cháu. Gia đình cụ Hồng lo chuẩn bị đám tang cho cụ tổ, đám con trong nhà sôi sục đợi đến giờ phát phục đưa tang để thực hiện mong muốn khoe khoang tiền tài, sau khi được phát lệnh tang, chúng sung sướng thỏa thích tưng bừng đi đưa giấy cáo phó. Đó chỉ là hình thức khi người mất còn mỗi người đều có một niềm vui riêng. Trong đám tang, cụ Hồng ung dung hút điếu thuốc phiện đăm chiêu, không chút đau buồn, vợ chồng Văn Minh bề ngoài phân vân nhưng thực chất vợ Văn Minh còn đang nghĩ đến những bộ áo tân thời để phô trương, Văn Minh đang suy tính đền ơn cho Xuân tóc đỏ vì gây ra cái chết cho cụ cố Hồng. Cậu Tú Tân bề ngoài như điên người lên nhưng thực chất cậu đang chờ đợi được dùng chiếc máy ảnh mới, Phán mọc sừng sung sướng vì có được thêm tiền. Xuân tóc đỏ tuy là tội nhân gây ra cái chết nhưng lại là nhân vật trung tâm , là ân nhân của đám con cháu. Khi chuẩn bị hạ huyệt, mọi sự giả tạo được phơi bày. Tổ chức rất phô chương, hoành tráng không thiếu một thứ gì nhưng người tham dự đám tang lại không để ý đến người đã khuất. Bạn cụ Hồng mải khoe huân chương, hai tên cảnh sát sung sướng vì có việc làm, trai thanh gái lịch đến hò hẹn, những tiếng khóc phô trương giả tạo. Cậu Tú Tân luộm thuộm bắt từng người một hoặc chống gậy, khóc,.. để chụp ảnh, ông Phán Mọc Sừng thì khóc mãi không thôi như thực chất là sự giả tạo. Khi Xuân tóc đỏ đến, Phán Mọc Sừng dúi vào tay Xuân năm đồng bạc gấp làm tư vì nhờ ơn Xuân, cụ cố tổ mới chết và đám tang mới diễn ra hoành tráng đến vậy.

**4. Giá trị nội dung**:

- Qua đoạn trích tác giả phê phán mạnh mẽ bản chất giả dối và sự lố lăng đồi bại của xã hội thượng lưu ở thành thị những năm trước cách mạng

**5. Giá trị: nghệ thuật**

- Ngòi bút trào lộng, nghệ thuật châm biếm sâu sắc bén qua cái nhìn độc đáo, sâu sắc của tác giả.

**III. Dàn ý phân tích tác phẩm.**

**1. Ý nghĩa nhan đề**

- “Tang gia”: nhà có đám, đáng ra với hoàn cảnh đó, không khí phải tràn ngập nhiều buồn tiếc

- “Hạnh phúc”: Cảm xúc khi gặp chuyện nhiều niềm vui, đây là cảm xúc đối lập hẳn với hoàn cảnh “tang gia”

⇒ Nhan đề chứa đựng mâu thuẫn trào phúng hàm chứa tiếng cười chua chát, kích thích trí tò mò của người đọc

**2. Những niềm vui khác nhau khi cụ cố Tổ mất**

**\* Niềm vui chung cho cả gia đình:**

- Gia đình tràn ngập niềm vui bởi cụ cố tổ chết cũng là lúc cái chúc thư đi vào thời kì thực hành chứ không còn lí thuyết viễn vông nữa

⇒ Một gia đình bất hiếu

**\* Niềm vui của những thành viên trong gia đình:**

- Cố Hồng :

+ Vui vì được diễn trò già yếu trước mọi người

+ Mơ màng nghĩ mình được mặc áo xô gai, lụ khụ ho khạc mếu máo để người ta nghĩ “úi kìa con giai nhớn đã già thế kia kìa”

⇒ Con người háo danh bề ngoài, không hề tiếc thương gì trước cái chết của chính người sinh ra mình

- Ông Văn Minh: thích thú vì cái chúc thư kia đã đi vào thời kì thực hành chứ không còn trên lý thuyết viễn vông nữa

⇒ Người cháu bất hiếu, đầy dã tâm.

- Bà Văn Minh: Mừng rỡ vì được lăng xê những mốt y phục táo tạo nhất.

⇒ Người cháu thực dụng, thiếu tình người.

- Cô Tuyết: Được dịp mặc y phục “ngây thơ” để chứng tỏ mình hãy còn trinh tiết nhưng đau khổ như kim châm vào lòng khi không thấy Xuân tóc đỏ đâu với khuôn mặt “buồn lãng mạn”.

⇒ Người con gái hư hỏng, lẳng lơ.

- Cậu Tú Tân: sướng điên người lên vì được dịp sử dụng cái máy ảnh đã lâu không có dịp dùng đến

⇒ Con người vô tâm, kém hiểu biết.

- Ông Phán mọc sừng: Sung sướng vì không ngờ rằng cái sừng trên đầu mình lại có giá trị.

⇒ Chỉ coi trọng và vui mừng vì mình được thêm một khoản, không có nhân cách, vô liêm sĩ.

- Xuân tóc đỏ: Hạnh phúc đặc biệt vì nhờ hắn mà cụ Tổ chết, danh giá uy tín lại càng to hơn.

**\* Niềm vui của những người ngoài gia đình:**

+ Cảnh sát Min Đơ và Min Toa: “giữa lúc không có ai đáng bị phạt… đương buồn rầu… thì sung sướng cực điểm”.

+ Bạn bè cụ cố Hồng: những kẻ vừa háo danh, vừa háo sắc, họ chia buồn để khoe khoang các loại râu ria cùng những huân huy chương

+ Hàng phố: đám ma đi đến đâu huyên náo đến đấy, cả phố nhốn nháo khoe đám ma to, thiên hạ chỉ chú ý vào những kiểu quần áo tang...

⇒ Bức tranh trào phúng chân thực mang đậm tính hài hước

**3. Cảnh đám ma gương mẫu**

**-** Tả bao quát đám ma khi đang đi trên đường:

+ Chậm chạp, nhốn nháo như hội rước.

+ Kết hợp ta, Tàu Tây để khoe giàu một cách hợm hĩnh.

- Tả cận cảnh: Người đi dự: giả dối, bàn đủ thứ chuyện.

- Cảnh hạ huyệt:

- Mở đầu: cậu tú Tân thì dàn dựng việc chụp hình một cách giả dối và vô văn hóa.

- Tiếp theo: Ông Phán thì diễn việc làm ăn với Xuân: “Xuân Tóc Đỏ… gấp tư”

⇒ Đó là một màn hài kịch thể hiện sự lố lăng, đồi bại, bất hiếu, bất nghĩa của xã hội thượng lưu trước 1945.

**4. Giá trị nghệ thuật**

- Xây dựng tình huống độc đáo, bút pháp trào phúng châm biếm sâu sắc

- Phát hiện những chi tiết đối lập gây gắt cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc.

- Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,… được sử dụng một cách linh hoạt.

- Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật.

 **BÀI 3: CHÍ PHÈO – Nam Cao**

**I. Tác giả:** Nam Cao (1915/1917 – 1951)

- Đề cao con người tư tưởng: Quan tâm tới đời sống tinh thần của con người, luôn hứng thú khám phá "con người trong con người".

- Đi sâu khám phá nội tâm nhân vật

- Thường viết về những cái nhỏ nhặt nhưng lại mang ý nghĩa triết lý sâu sắc

- Ông có phong cách triết lý trữ tình sắc lạnh.

**II. Tác phẩm**

**1. Hoàn cảnh ra đời:**

- Dựa vào những cảnh thật, người thật mà Nam Cao được chứng kiến và nghe kể về làng quê mình, bức xúc trước hiện thực tàn khốc đó ông đã viết thành truyện năm 1941.

**2. Bố cục:**

- Phần 1 (Từ đầu đến ….. cả làng Vũ Đại cũng không ai biết): Chí Phèo xuất hiện cùng tiếng chửi.

- Phần 2 (Tiếp đến…. không bảo người nhà đun nước mau lên): Chí Phèo mất hết nhân tính.

- Phần 3 (còn lại): Sự thức tỉnh về ý thức bi kịch của cuộc đời Chí Phèo.

**3. Tóm tắt**

Chí Phèo là một đứa trẻ bị bỏ hoang trong một lò gạch cũ và được nhặt về nuôi. Khi lớn lên Chí Phèo đi ở hết nhà này nhà khác để nuôi thân. Đến năm 20 tuổi, hắn làm canh điền cho nhà Bá Kiến và tấn bi kịch cuộc đời hắn diễn ra từ đây. Vì Bá Kiến ghen nên hắn bị giải lên huyện và bị bắt bỏ tù. Hắn ở tù bảy tám năm, sau khi trở về, hắn xuất hiện với bộ dạng khác hẳn ngày xưa với nhiều hình xăm trên mình. Hắn lúc nào cũng say và cứ say là hắn lại đến nhà Bá Kiến để chửi bới, rạch mặt ăn vạ. Bá kiến đã biến Chí Phèo thành kẻ tay sai chuyên đâm thuê chém mướn cho lão. Trong tình trạng luôn say mèm, ai cho tiền sai gì hắn cũng làm, hắn trở thành một con quỷ dữ của làng Vũ Đại luôn làm những trò tác quái phá làng, phá xóm, khiến người dân ai ai cũng khiếp sợ. Cuộc đời hắn không lúc nào tỉnh. Vào một đêm trăng, Chí Phèo say thì gặp thị Nở. Đêm đó, họ ăn nằm với nhau. Chí Phèo nửa đêm đau bụng, nôn mửa. Sáng hôm sau, thị cho hắn ăn một bát cháo hành. Cũng từ đó hắn khao khát trở về cuộc sống lương thiện và được sống cùng thị Nở. Nhưng một lần nữa hắn bị đạp xuống vực vì bà cô của thị không đồng ý. Chí Phèo tuyệt vọng, lại uống và lại xách dao ra đi, vừa đi hắn vừa chửi rủa sự đời. Hắn cầm dao đến nhà Bá Kiến đòi trả lương thiện cho hắn. Hắn đâm chết Bá Kiến rồi tự sát. Thị Nở nghe tin hắn chết nhìn xuống bụng và nghĩ đến lò gạch.

**4. Giá trị nội dung**

- Qua truyện ngắn Nam Cao đã khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám: một bộ phận nông dân lương thiện bị đẩy và tình trạng lưu manh hóa.

- Nhà văn đã kết án đanh thép cái xã hội tàn bạo tàn phá cả thể xác tâm hồn của người nông dân lương thiện đồng thời khẳng định bản chất lương thiện ngay trong khi họ bị vùi dập mất cả nhân hình lẫn nhân tính.

- Chí Phèo là tác phẩm có giá trị nhân đạo và hiện thực sâu sắc.

**5. Giá trị nghệ thuật**

- Tác phẩm thể hiện tài năng truyện ngắn bậc thầy của Nam Cao: xây dựng nhân vật điển hình bất hủ; nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên mà vẫn nhất quán chặt chẽ; ngôn ngữ trần thuật đặc sắc.

**III. Dàn ý phân tích tác phẩm**

**1. Nhân vật Chí Phèo**

**a. Từ khi ra đời đến trước ki vào tù**

- Xuất thân:

+ Là đứa con hoang bị bỏ rơi, không cha, không mẹ, không người thân thích.

+ Bị bán trao tay không biết bao nhiêu người, phải đi ở.

- Lớn lên:

+ Hiền lành, cần cù chất phác.

+ Có lòng tự trọng.

+ Có ước mơ giản dị một mái ấm bình yên chồng cày thuê cuốc mướn, vợ dệt vải như bao người nông dân khác.

**b. Bị đẩy vào nhà tù, bị tha hóa khi ra tù**

- Nguyên nhân:

+ Cơn ghen của bá kiến đã đẩy Chí vào tù.

+ Nhà tù thực dân phong kiến đã nhào nặn nên con người Chí, biến Chí Phèo thành người khác hẳn.

- Ra tù Chí xa đọa vào con đường lưu manh hóa.

+ Chí bị hủy hoại hình người: mặt hắn ngang dọc không biết bao nhiêu là sẹo, đầy mình xăm trổ,....

+ Hủy hoại tính người: Chí trở thành tay sai đắc lực cho Bá Kiến, con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

( *Dọa nạt, chửi bới, đập đầu rạch mặt ăn vạ, đâm chém cướp phá đó đều là kì tích bất hảo của Chí. Chí chìm trong cơn say liên miên.Chí từng bước bán linh hồn cho quỷ dữ…)*

- Bị xã hội loài người chối bỏ.

+ Tiếng chửi của Chí đầu đoạn trích là minh chứng, hắn càng chửi đáp lại hắn chỉ là tiếng chó sủa.

+ Chí Phèo tiêu biểu cho cả một hiện tượng bi thảm trong xã hội cũ có tính quy luật: hiên tượng lưu manh hóa, bị hủy diệt những giá trị của con người⇒ sức mạnh tố cáo xã hội, giá trị hiện thực sâu sắc.

**c. Chí Phèo thức tỉnh khi gặp thị Nở**

**\* Thức tỉnh:**

- Sau cuộc gặp gỡ với thị nở, lần đầu tiên Chí Phèo thực sự “tỉnh”.

+ Chợt nhận ra ở trong cái lều ẩm thấp của Chí sẽ thấy “chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng”.

+ Bâng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài.

+ Tỉnh để cảm thấy miệng đắng và “lòng mơ hồ buồn”.

+ Cảm thấy “sợ rượu” ⇒ dấu hiệu của sự thức tỉnh rõ ràng nhất.

+ Cảm nhận những thanh âm của cuộc sống: âm thanh của tiếng chim hót, tiếng người cười nói…

+ Hắn đủ tình để nhận thức hoàn cảnh của mình, để thấy mình cô độc.

⇒ Cuộc gặp với thị đã làm Chí Phèo thực sự tỉnh táo sau những cơn say triền miên.

**\* Niềm vui, hi vọng, ước mơ quay trở về**

- Niềm hi vọng của thời trẻ quay trở lại: mong muốn một gia đình nho nhỏ, chồng cuốc mướn, cày thuê, vợ dệt vải; nuôi lợn, khá giả thì mua dăm ba sào ruộng

- Khi thấy bát cháo hành của thị nở, Chí Phèo ngạc nhiên và thấy “mắt mình như ươn ướt” ⇒ Xúc động vì lần đầu tiên có người chăm sóc.

- Thấy thị Nở có duyên, cảm thấy vừa vui vừa buồn.

- Hắn muốn làm nũng với thị, thấy lòng thành trẻ con.

- Chí Phèo thèm lương thiện: Tình yêu của thị nở làm hắn nghĩ bản thân có cầu nối để trở về.

- Tình yêu với thị Nở khiến Chí Phèo đủ hi vọng và mong ước có một gia đình: “Hay là mình sang ở với tớ một nhà cho vui”.

⇒ Gặp thị Nở, Chí Phèo đã trải qua những cảm xúc chưa hề có trong đời, mang đến niềm vui, niềm hi vọng và mong ước trở về làm người lương thiện trỗi dậy.

**\* Thất vọng, đau đớn**

- Tình yêu bị ngăn cấm bởi bà cô thị nở, nởi vậy, khi thị nở từ chối, Chí Phèo thất vọng và đau đớn:

+ “Ngẩn người”, “ngẩn mặt”: Thái độ biểu thị sự hiểu ra, nhận thức được tình cảnh của mình ⇒ Đáng thương.

+ Thoáng thấy hương cháo hành: hồi tưởng về tình yêu đã trải qua.

+ Hành động: Nắm lấy tay thị ⇒ mong muốn níu kéo hạnh phúc.

+ Hắn tìm đến rượu rồi “ôm mặt khóc rưng rức”.

⇒ Mong muốn trở về làm người lương thiện không còn nữa, Chí đau đớn, tuyệt vọng.

**d. Sự bế tắc trên con đường trở về làm người lương thiện**

- Mối tình với thị Nở tan vỡ.

+ Nguyên nhân: định kiến xã hội, bà cô thị không đồng ý.

+ Đến một con người như thị mà Chí cũng không được phép yêu.

⇒ Có thể nói trong cái xã hội ấy Chí đã hoàn toàn bị vứt bỏ, Chí rơi và bi kịch đau đớn khi nhận ra mình không trở trở về cái xã hội bằng phẳng của những người lương thiện được nữa.

- Đến nhà Bá Kiến.

+ Chí đến đòi lương thiện.

+ Với Chí những khao khát cuộc sống lương thiện lúc này còn quan trọng hơn tính mạng và Chí giết bá kiến rồi tự sát.

+ Cái chết của Chí Phèo mang tính tố cáo xã hội không những đẩy con người vào bước đường tha hóa, lưu manh hóa mà còn đẩy họ đi tới cái chết.

+ Ở đây ta còn thấy cảm quan hiện thực sâu sắc của nhà văn Nam Cao: thực trạng mâu thuẫn xung đột ở nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ chỉ có thể giải quyết bằng đấu tranh.

⇒ Chí Phèo điểm hình cho những gì tủi khổ nhất của người nông dân nhưng ở họ vẫn lấp lánh ánh sáng lương thiện.

**2. Nhân vật thị Nở**

\* Ngoại hình:

- Miêu tả khách quan, trần trụi: một người “ngẩn ngơ như những người đần trong cổ tích và xấu ma chê quỷ hớn”.

+ Ngẩn ngơ: hành động theo bản năng.

+ Xấu ma chê quỷ hờn: từng đường nét trên khuôn mặt không giống với những gì nên có trên khuôn mặt con người.

+ Đã vậy, thị còn nghèo và nhà có mả hủi.

=> Thị khó có được hạnh phúc bởi một con người mang trên mình toàn những điều bất lợi.

\* Vẻ đẹp

- Là con người với phẩm chất tốt đẹp, giàu tình người

+ Nam Cao xây dựng hình tượng nhân vật thị Nở xấu ma chê quỷ hờn không phải để miệt thị mà nhằm làm nổi bật nội tâm đầy tình thương của thị Nở.

+ Sau cuộc gặp gỡ vào đêm định mệnh, thị nở dành sự quan tâm cho Chí Phèo.

+ Thị Nở quan tâm đến Chí Phèo, nấu cháo hành cho Chí ăn khi hắn bị ốm. Bưng bát cháo hành thị nở đưa cho “hắn thấy mắt mình hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho”.

+ Chính thị Nở đã suy nghĩ về Chí Phèo: “Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người” ⇒ một cái nhìn khác với những cái nhìn của người làng Vũ Đại.

+Tình cảm và sự quan tâm của thị Nở với Chí Phèo đã như một liều thuốc chữa lành bao nhiêu “vết thương, vết rạch” để Chí Phèo quay trở lại thành một người với sự lương thiện trong căn tính.

=> Chính tình thương và sự quan tâm khiến Thị trở nên có duyên trong mắt Chí.

- Thị Nở còn là người có khát khao hạnh phúc gia đình.

+ Thị Nở thích cuộc sống gia đình có vợ có chồng.

+ Suy nghĩ rất nghiêm túc về mối quan hệ với Chí.

+ Đối với Chí, cảm giác “ngượng ngượng mà thinh thích”.

+ Bởi khát khao và suy nghĩ nghiêm túc về hạnh phúc gia đình nên thị đã trở về xin phép bà cô và thái độ tức giận khi bà cô từ chối.

- Là nhân vật góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm: bi kịch cuộc đời Chí Phèo

+ Xây dựng nhân vật thị nở, Nam Cao muốn làm trọn vẹn thêm vấn đề trung tâm của tác phẩm: sự bi thảm trong bi kịch cuộc đời Chí Phèo.

+ Ban đầu, thị Nở và Chí Phèo đến với nhau chỉ bởi sự chung đụng về mặt thể xác.

+ Sau đó, chính tình thương của thị Nở đã làm thức dậy sự lương thiện vốn có trong Chí.

+ Khi thị Nở từ chối Chí, Chí Phèo từ chỗ khát khao và hạnh phúc đến tột cùng bị đẩy xuống tận cùng của nỗi tuyệt vọng ⇒ đẩy Chí đến những hành động sau này: uống rượu, xách dao đi giết Bá Kiến và tự sát.

=> Thị Nở là nhân vật thúc đẩy sự phát triển của câu chuyện, đồng thời cho người ta cảm nhận sâu sắc hơn bi kịch của nhân vật chính.

**3. Nhân vật Bá Kiến**

- Xuất thân trong một gia đình từng làm bốn đời lý trưởng. Bản thân hắn mưu mô, thủ đoạn, khôn khéo leo lên đỉnh cao danh vọng “khét tiếng đến cả trong hàng huyện”.

- Điển hình cho bộ mặt cường hào ác bá: bất nhân, vô lương tâm, nham hiểm, gian hùng, thối nát, bỉ ổi, là “kẻ già đời trong nghề đục khoét”.

+ “Cái giọng quát rất sang”, bao giờ cũng quát để thử dây thần kinh của nguười khác.

+ Bá Kiến có cái giọng cười “Tào Tháo”, và giọng nói ngọt nhạt mà thâm hiểm chết người.

+ Có những thủ đoạn rất khôn ngoan và hiệu quả: “không trị được thì cụ dùng”, “dùng những thằng đầu bò để trị những thằng đầu bò”, “mềm nắn rắn buông”, “thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân”,...

-----------------------------------------------------